

Tăng tỷ trọng

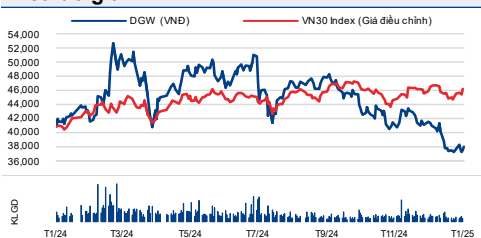
Giá mục tiêu: VNĐ44,200

Tiềm năng tăng/giảm: 16.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (24/1/2025)	38,000
Mã Bloomberg	DGW VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	37,250-52,640
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	37,740
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	8,328
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	332
Slg CP lưu hành (tr.đv)	219
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	107
Slg CP NN được mua (tr.đv)	64.2
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	19.7%
Tỷ lệ freefloat	55.6%
Cổ đông lớn	Created Future (32.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	18,817	22,149	24,521
EBITDA đc (tỷ đồng)	498	574	679
LNTT (tỷ đồng)	471	529	645
LNT ĐC (tỷ đồng)	354	420	497
FCF (tỷ đồng)	538	1,193	482
EPS ĐC (đồng)	2,134	2,036	2,268
DPS (đồng)	500	500	500
BVPS (đồng)	15,531	15,630	17,398
T.trưởng EBITDA (%)	(44.3)	15.3	18.3
T.trưởng EPS ĐC (%)	(49.1)	(4.62)	11.4
Tăng trưởng DPS (%)	(50.0)	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	2.65	2.59	2.77
Tỷ suất LNTT (%)	2.50	2.39	2.63
Tỷ suất LNT ĐC (%)	1.88	1.89	2.03
Tỷ lệ LN trả CT (%)	23.4	24.6	22.0
Nợ thuần/VCSH (%)	39.1	(18.2)	(27.4)
ROAE (%)	14.2	13.9	13.7
ROACE (%)	18.1	17.7	17.6
EV/doanh thu (lần)	0.38	0.34	0.29
EV/EBITDA ĐC (lần)	14.5	13.1	10.5
P/E ĐC (lần)	17.8	18.7	16.8
P/B (lần)	2.45	2.43	2.18
Lợi suất cổ tức (%)	1.32	1.32	1.32

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DGW là nhà cung cấp dịch vụ mở rộng thị trường cho các công ty công nghệ và hàng tiêu dùng. Các mảng kinh doanh chính: điện thoại di động, máy tính xách tay và máy tính bảng, thiết bị văn phòng, hàng tiêu dùng và chăm sóc sức khỏe.

Chuyên viên phân tích

Trần Đăng Mạnh

Chuyên viên, Ngành Hàng Tiêu Dùng
manh.tdang@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q4/2024: Lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi tăng 42% so với cùng kỳ; vượt nhẹ dự báo

- Lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi Q4/2024 của DGW đạt 129 tỷ đồng (tăng 42% so với cùng kỳ và 1% so với quý trước), vượt dự báo 116 tỷ đồng của HSC. Doanh thu vượt dự báo ở mảng hàng điện máy và hàng tiêu dùng đã bù đắp hoàn toàn cho các mảng kinh doanh khác thấp hơn dự báo. Về mặt tích cực, tỷ suất lợi nhuận thuần tiếp tục cải thiện.
- Lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi năm 2024 của DGW đạt 435 tỷ đồng (tăng trưởng 23%), vượt 3% so với dự báo của chúng tôi, trong khi doanh thu thuần đạt 22 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 17%), sát với dự báo.
- HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu 44.200đ. Dự báo hiện tại của chúng tôi cho thấy lợi nhuận thuần dự báo tăng trưởng với tốc độ CAGR giai đoạn 2024-2026 đạt 18%.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2024

DGW công bố doanh thu thuần Q4/2024 đạt 5,9 nghìn tỷ đồng (tăng 21% so với cùng kỳ nhưng giảm 6% so với quý trước), sát với dự báo của HSC trong khi lợi nhuận tăng mạnh 56% so với cùng kỳ do so với mức nền thấp, đạt 140 tỷ đồng (tăng 15% so với quý trước). Nếu không tính đến khoản lợi nhuận không thường xuyên 15 tỷ đồng, HSC ước tính lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi Q4/2024 của DGW đạt 129 tỷ đồng, cao hơn dự báo 116 tỷ đồng của chúng tôi.

Theo đó, lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi năm 2024 của DGW đạt 435 tỷ đồng (tăng trưởng 23%), vượt 3% so với dự báo của HSC, trong khi doanh thu thuần đạt 22 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 17%), đúng như dự báo.

Doanh thu mảng sản phẩm CNTT: Không đạt dự báo, phản ánh tâm lý thận trọng của người tiêu dùng

Các mảng sản phẩm CNTT truyền thống của DGW – bao gồm máy tính xách tay và máy tính bảng, điện thoại di động và thiết bị văn phòng – duy trì được tăng trưởng doanh thu so với cùng kỳ, nhưng giảm 11% so với quý trước và không đạt dự báo của chúng tôi. Theo quan sát của HSC, tăng trưởng doanh thu chủ yếu đến từ việc Công ty gia tăng thị phần còn nhu cầu thực tế chưa cải thiện quá nhiều.

- Doanh thu máy tính xách tay và máy tính bảng tăng 7% so với cùng kỳ (giảm 53% so với quý trước) đạt 1.144 tỷ đồng, vượt dự báo của HSC là doanh thu phân khúc này đi ngang so với cùng kỳ.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2024, DGW

Lợi nhuận thuần 'cốt lõi' Q4 đạt 129 tỷ đồng, tăng 1% so với quý trước trong khi lợi nhuận thuần cả năm 2024 cao hơn 3% so với dự báo của chúng tôi

Tỷ đồng	Q4/24	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	2024	Tăng trưởng	2024F HSC	% dự báo
Doanh thu thuần	5,859	21%	-6%	22,078	17%	22,121	100%
EBIT	186	116%	73%	527	26%	540	98%
Lợi nhuận thuần công bố	140	57%	15%	444	25%	N/a	N/a
Lợi nhuận thuần 'cốt lõi'	129	42%	1%	435	23%	420	103%

Nguồn: DGW; HSC ước tính

- Doanh thu điện thoại di động tăng lên mức cao nhất trong nhiều quý, đạt 2.687 tỷ đồng (tăng 22% so với cùng kỳ và 20% so với quý trước), nhưng vẫn thấp hơn một chút so với dự báo 2.850 tỷ đồng của chúng tôi. Chúng tôi ước tính doanh thu iPhone tăng 16% so với cùng kỳ nhờ yếu tố mùa vụ, trong khi doanh thu Xiaomi tăng mạnh 29% so với cùng kỳ nhờ thị phần được cải thiện.
- Doanh thu thiết bị văn phòng tăng 22% so với cùng kỳ và 19% so với quý trước đạt 1.367 tỷ đồng, thấp hơn dự báo của HSC ở mức 1.500 tỷ đồng.

Doanh thu mảng sản phẩm phi CNTT: Vượt dự báo nhờ yếu tố mùa vụ và tiến triển gần đây

Doanh thu các phân khúc mới – bao gồm hàng điện máy và hàng tiêu dùng – tăng 47% so với cùng kỳ và 59% so với quý trước đạt 661 tỷ đồng, đóng góp 11% vào tổng doanh thu.

Trong mùa cao điểm, doanh thu hàng điện máy còn được hỗ trợ thêm nhờ đóng góp lần đầu từ các sản phẩm Philips, thương hiệu được bổ sung vào danh mục trong Q4/2024, qua đó doanh thu phân khúc này tăng 56% so với cùng kỳ đạt 364 tỷ đồng. Trong khi đó, doanh thu hàng tiêu dùng được thúc đẩy bởi kênh phân phối mới – HoReCa (khách sạn, nhà hàng, quán cà phê), đạt 297 tỷ đồng, tăng 38% so với cùng kỳ.

Tỷ suất lợi nhuận tiếp tục phục hồi từ mức đáy trong Q2/2024

Tỷ suất lợi nhuận HĐKD Q4/2024 mở rộng lên mức 3,2% so với 1,8% trong Q4/2023 và 1,7% trong Q3/2024, nhờ cơ cấu doanh thu thuần lợi hơn với các mảng có tỷ suất lợi nhuận cao và ghi nhận tăng trưởng mạnh hơn như thiết bị văn phòng, hàng điện máy và hàng tiêu dùng. Theo đó, EBIT tăng 116% so với cùng kỳ và 73% so với quý trước đạt 186 tỷ đồng, tác động tích cực từ EBIT lớn hơn tác động tiêu cực của việc lỗ tài chính ở mức 11 tỷ đồng trong Q4/2024 (so với lợi nhuận tài chính 38 tỷ đồng trong Q3/2024 và 48 tỷ đồng trong Q4/2023).

Theo đó, lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi tăng 42% so với cùng kỳ đạt 129 tỷ đồng (tăng nhẹ 1% so với quý trước). Tỷ suất lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi đạt mức 2,2%, duy trì đà phục hồi từ mức đáy 1,7% trong Q2/2024.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu theo phương pháp DCF là 44.200đ (tiềm năng tăng giá 16%). Dự báo hiện tại của chúng tôi cho thấy lợi nhuận thuần tăng trưởng với tốc độ CAGR giai đoạn 2024-2026 đạt 18%.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu Q4/2024, DGW

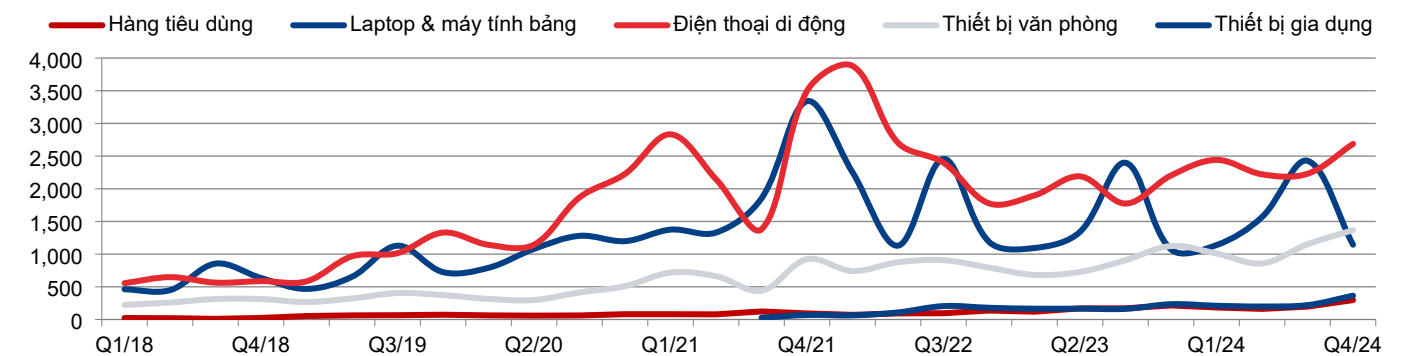
Doanh thu mảng thiết bị gia dụng & hàng tiêu dùng cao hơn dự báo của HSC trong khi doanh thu mảng điện thoại di động & thiết bị văn phòng thấp hơn kỳ vọng

Tỷ đồng	Q4/23	Q3/24	Q4/24	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	Q4/24F	% dự báo	2023	2024	Tăng trưởng	2024F HSC	% dự báo
Điện thoại di động	2,204	2,230	2,687	22%	20%	2,850	94%	8,067	9,580	19%	9,743	98%
Laptop & MT bảng	1,072	2,428	1,144	7%	-53%	1,072	107%	5,906	6,279	6%	6,207	101%
Thiết bị văn phòng	1,124	1,151	1,367	22%	19%	1,500	91%	3,441	4,386	27%	4,519	97%
Thiết bị gia dụng	234	220	364	56%	65%	260	140%	728	993	36%	889	112%
Hàng tiêu dùng	215	197	297	38%	51%	220	135%	676	840	24%	763	110%
Tổng doanh thu thuần	4,849	6,226	5,859	21%	-6%	5,902	99%	18,818	22,078	17%	22,121	100%

Nguồn: DGW; HSC ước tính

Biểu đồ 3: Xu hướng doanh thu hàng quý theo mảng kinh doanh (tỷ đồng), DGW

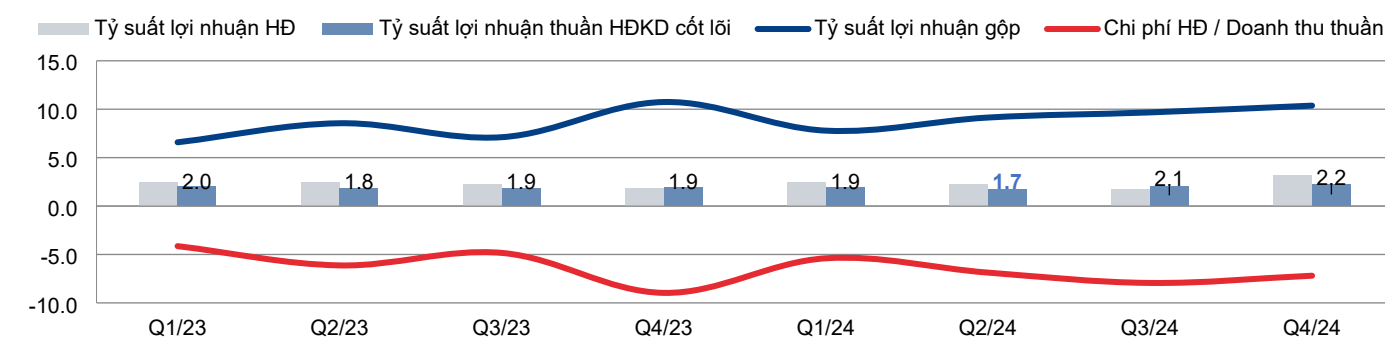
Doanh thu mảng thiết bị văn phòng, thiết bị gia dụng & hàng tiêu dùng tăng mạnh lên mức cao mới trong Q4/2024



Nguồn: DGW; HSC

Biểu đồ 4: Xu hướng tỷ suất lợi nhuận (%), DGW

Tỷ suất lợi nhuận thuần 'cốt lõi' duy trì đà phục hồi trong Q4/2024, xác lập mức đáy trong Q2/2024



Nguồn: DGW; HSC ước tính

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	22,028	18,817	22,149	24,521	26,595
Lợi nhuận gộp	1,663	1,559	2,043	2,223	2,450
Chi phí BH&QL	(858)	(1,142)	(1,560)	(1,641)	(1,740)
Thu nhập khác	82.7	47.0	56.9	63.0	68.4
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	888	464	540	645	778
Lãi vay thuần	(36.3)	(116)	(94.6)	(91.2)	(105)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(1.83)	(4.31)	2.80	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	13.0	126	80.6	91.1	84.9
LNTT	862	471	529	645	758
Chi phí thuế TNDN	(179)	(108)	(112)	(136)	(160)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.18	(8.20)	2.32	(11.7)	(13.8)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	684	354	420	497	584
Lợi nhuận thuần ĐC	684	354	420	497	584
EBITDA ĐC	894	498	574	679	812
EPS (đồng)	4,193	2,134	2,036	2,268	2,647
EPS ĐC (đồng)	4,193	2,134	2,036	2,268	2,647
DPS (đồng)	1,000	500	500	500	500
Slg CP bình quân (triệu đv)	163	166	206	219	221
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	163	167	219	219	221
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	163	167	219	219	221

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	828	1,450	2,507	3,316	3,891
Đầu tư ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu khách hàng	1,496	1,982	1,993	1,962	2,128
Hàng tồn kho	3,254	3,003	2,949	3,240	3,471
Các tài sản ngắn hạn khác	204	407	221	250	275
Tổng tài sản ngắn hạn	5,782	6,842	7,670	8,768	9,764
TSCĐ hữu hình	32.3	38.3	38.4	38.3	37.9
TSCĐ vô hình	63.4	92.8	91.4	90.0	88.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	8.54	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	8.54	19.1	19.1	19.1	19.1
Tài sản dài hạn khác	460	509	435	408	380
Tổng tài sản dài hạn	573	659	584	555	526
Tổng cộng tài sản	6,355	7,501	8,255	9,323	10,289
Nợ ngắn hạn	1,915	2,321	1,714	2,084	2,266
Phải trả người bán	1,210	1,557	1,998	2,212	2,399
Nợ ngắn hạn khác	622	810	877	944	1,017
Tổng nợ ngắn hạn	3,882	4,858	4,783	5,452	5,909
Nợ dài hạn	41.1	5.50	5.50	5.50	5.50
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	2.91	2.91	2.91	2.91	2.91
Nợ dài hạn khác	5.86	7.77	7.77	7.77	7.77
Tổng nợ dài hạn	49.9	16.2	16.2	16.2	16.2
Tổng nợ phải trả	3,932	4,874	4,799	5,468	5,925
Vốn chủ sở hữu	2,394	2,595	3,426	3,813	4,309
Lợi ích cổ đông thiểu số	28.9	32.5	30.2	41.9	55.7
Tổng vốn chủ sở hữu	2,423	2,627	3,456	3,855	4,365
Tổng nợ phải trả và VCSH	6,355	7,501	8,255	9,323	10,289
BVPS (đ)	14,682	15,531	15,630	17,398	19,465
Nợ thuần/(tiền mặt)	1,128	877	(787)	(1,227)	(1,620)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	888	464	540	645	778
Khấu hao	(6.29)	(33.8)	(33.8)	(33.8)	(33.8)
Lãi vay thuần	(36.3)	(116)	(94.6)	(91.2)	(105)
Thuế TNDN đã nộp	(212)	(100)	(112)	(136)	(160)
Thay đổi vốn lưu động	(1,970)	316	760	11.0	(146)
Khác	149	(30.1)	55.5	25.6	14.5
LCT thuần từ HKKD	(1,176)	568	1,184	488	416
Đầu tư TS dài hạn	(13.2)	(29.9)	9.03	(6.29)	(6.73)
Góp vốn & đầu tư	(300)	(201)	0	0	0
Thanh lý	0	38.5	0	0	0
Khác	52.6	75.3	60.0	67.1	72.8
LCT thuần từ HĐĐT	(260)	(117)	69.0	60.8	66.1
Cổ tức trả cho CSH	(90.6)	(167)	(110)	(110)	(111)
Thu từ phát hành CP	22.0	39.8	521	0	22.0
Tăng/giảm nợ	838	299	(608)	371	181
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	770	171	(196)	261	92.7
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,494	828	1,450	2,507	3,316
LCT thuần trong kỳ	(667)	623	1,056	810	575
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.00)	0	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	828	1,450	2,507	3,316	3,891
Dòng tiền tự do	(1,189)	538	1,193	482	409

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	7.55	8.29	9.23	9.07	9.21
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	4.06	2.65	2.59	2.77	3.05
Tỷ suất LNT (%)	3.10	1.88	1.89	2.03	2.20
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.7	22.9	21.1	21.1	21.1
Tăng trưởng doanh thu (%)	5.04	(14.6)	17.7	10.7	8.46
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	15.5	(44.3)	15.3	18.3	19.6
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	4.01	(48.2)	18.4	18.5	17.6
Tăng trưởng EPS (%)	1.49	(49.1)	(4.62)	11.4	16.7
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	1.49	(49.1)	(4.62)	11.4	16.7
Tăng trưởng DPS (%)	0	(50.0)	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	23.8	23.4	24.6	22.0	18.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	32.7	14.2	13.9	13.7	14.4
ROACE (%)	41.6	18.1	17.7	17.6	18.9
Vòng quay tài sản (lần)	3.41	2.72	2.81	2.79	2.71
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	(1.33)	1.22	2.19	0.76	0.53
Số ngày tồn kho	58.3	63.5	53.5	53.0	52.5
Số ngày phải thu	26.8	41.9	36.2	32.1	32.2
Số ngày phải trả	21.7	32.9	36.3	36.2	36.3
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	51.1	39.1	(18.2)	(27.4)	(33.1)
Nợ/tài sản (%)	32.3	32.9	22.8	24.4	24.0
EBIT/lãi vay (lần)	24.4	4.01	5.71	7.08	7.44
Nợ/EBITDA (lần)	2.30	4.95	3.28	3.34	3.04
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.49	1.41	1.60	1.61	1.65
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.33	0.38	0.34	0.29	0.26
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.20	14.5	13.1	10.5	8.37
P/E (lần)	9.06	17.8	18.7	16.8	14.4
P/E ĐC (lần)	9.06	17.8	18.7	16.8	14.4
P/B (lần)	2.59	2.45	2.43	2.18	1.95
Lợi suất cổ tức (%)	2.63	1.32	1.32	1.32	1.32

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn